

2011年11月28日(月) ~ 2011年12月31日(土)

《米国路線》

搭載便名	便到着地	貨物形態	LDR&貨物搬入先	AWB搬入先
NH002	IAD	LOOSE	第1貨物ビル102号室	第1貨物ビル102号室
		BUP(INTACT ULD)	第7貨物ビル	
NH006	LAX	LOOSE	第1貨物ビル102号室	
		BUP(INTACT ULD)	第7貨物ビル	
NH008	SFO	LOOSE	第1貨物ビル102号室	
		BUP(INTACT ULD)	第7貨物ビル	
NH010	JFK	LOOSE	第1貨物ビル102号室	
		BUP(INTACT ULD)	第7貨物ビル	
NH012	ORD	LOOSE	第1貨物ビル102号室	
		BUP(INTACT ULD)	第7貨物ビル	
NH1052	HNL	LOOSE	第1貨物ビル102号室	
		BUP(INTACT ULD)	第7貨物ビル	

《欧州路線》

搭載便名	便到着地	貨物形態	LDR&貨物搬入先	AWB搬入先
NH201	LHR	/	第7貨物ビル	第7貨物ビル
NH205	CDG			
NH207	MUC			
NH209	FRA			

《中国路線》

搭載便名	便到着地	貨物形態	LDR&貨物搬入先	AWB搬入先
NH909	HKG	/	第7貨物ビル	第7貨物ビル
NH911				
NH8513				
NH905	PEK			
NH955				
NH903	DLC			
NH8501				
NH925	SHE			
NH919	PVG			
NH959				
NH921				
NH8517	TAO			
NH927				
NH935	XMN			
NH8515				
NH929	HGH			
NH933	CAN			
NH947	CTU			

《アジア路線 (KIX・OKA含む)》

搭載便名	便到着地	貨物形態	LDR&貨物搬入先	AWB搬入先
NH1083	TPE	/	第7貨物ビル	第7貨物ビル
NH8441				
NH8445				
NH111	SIN			
NH901				
NH953				
NH915	BKK			
NH8507				
NH907	ICN			
NH8475				
NH931	SGN			
NH937	CGK			
NH949	MNL			
NH8519	KIX経由			
NH8417	OKA経由			
NH8405				

《HND行きトラック便》

搭載便名	HNDからの接続便	貨物形態	LDR&貨物搬入先	AWB搬入先
NH8061 NH8059	①NH151(SIN) ②NH173(BKK) ③NH1006(LAX) ④NH1062(HNL) ⑤HA458/NH5601(HNL) ⑥NH1171(HKG) ⑦NH1255(PEK) ⑧NH1259(SHA)	LOOSE	第1貨物ビル102号室	第7貨物ビル
	⑨NH1161/1163/1165(GMP) ⑩NH1185/1187(TSA)	BUP(INTACT ULD)	第7貨物ビル	
NH8063	HND経由OKAハブ貨物	/	第7貨物ビル	

《カスタマー航空会社》

搭載便名	便到着地	貨物形態	LDR&貨物搬入先	AWB搬入先
BR2195	TPE	/	第7貨物ビル	第7貨物ビル
BR2197				
BR6191				
AC002	YYZ			
AC004	YVR			
SK984	CPH			
HY528	TAS			
OM502	ULN			
XF8828	VVO			
EY871	AUH			
MS965	CAI			